

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH THEO HƯỚNG TỰ CHỦ CÁC TỔ CHỨC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHỐI KỸ THUẬT TRỰC THUỘC BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Nguyễn Văn Bảo¹

Tóm tắt: Bài báo trình bày những vấn đề lý luận về quản lý tài chính trong ngành giáo dục đào tạo và chính sách đổi mới cơ chế quản lý tài chính của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm và phân tích đánh giá thực trạng công tác quản lý tài chính các viện, trung tâm khoa học công nghệ trong các trường đại học khối kỹ thuật trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ đó tác giả đã đề xuất 2 nhóm giải pháp nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi và tăng cường tính tự chủ tài chính của các viện, trung tâm khoa học công nghệ trong các trường đại học khối kỹ thuật trực thuộc Bộ.

Từ khóa: quản lý tài chính; tự chủ tài chính; tổ chức khoa học công nghệ công lập; trường đại học kỹ thuật trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Summary: This paper presents theoretical issues about financial management in education and training sectors and innovative policies for financial management mechanism of public scientific and technological organizations toward autonomy and self-responsibility and analyzes the current status of financial management over institutes and scientific and technological centers universities in technological universities of the Ministry of Technical Education and Training. The author has proposed two solutions to accelerate the conversion process and increase the financial autonomy of the institutes and scientific and technological centers in technological universities under the Ministry of Education and Training.

Keywords: financial management; financial autonomy; public scientific and technological organizations; technological universities under the Ministry of Education and Training.

Nhận ngày 07/11/2012, chỉnh sửa ngày 05/12/2012, chấp nhận đăng ngày 15/12/2012

1. Đặt vấn đề

Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước ngày càng phát triển cùng với quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường đã và đang ngày càng đòi hỏi sự góp sức của các nhà khoa học với doanh nghiệp trong việc đào tạo lại nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp để đáp ứng những đòi hỏi mới của nền kinh tế thị trường, trong việc tư vấn cho doanh nghiệp áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật công nghệ và quản lý hiện đại, mở rộng quan hệ quốc tế để vươn ra thị trường nước ngoài.

¹TS, Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng, Trường Đại học Xây dựng. E-mail: nvbaodhxd@yahoo.com

Quản lý tài chính đối với các viện, trung tâm khoa học công nghệ và doanh nghiệp trong các trường đại học nói chung và khối kỹ thuật trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo nói riêng là một vấn đề được sự quan tâm không chỉ của các trường đại học, của các bộ phận quản lý chức năng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, mà còn nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước.

Văn kiện Đại hội Đảng X chỉ rõ: Đổi mới cơ bản cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, đặc biệt là cơ chế tài chính phù hợp với đặc thù sáng tạo và khả năng rủi ro của hoạt động khoa học và công nghệ; Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Chuyển các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp dưới các hình thức phù hợp [2].

Yêu cầu, đòi hỏi cấp bách hiện nay: Đổi mới cơ chế tài chính cho giáo dục đại học (ĐH); Đổi mới, hoàn thiện công tác quản lý tài chính (QLTC) của các đơn vị nghiên cứu khoa học công nghệ (KHCN) trong các trường ĐH khối ngành kỹ thuật trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT); Chuyển đổi hoạt động của các viện, trung tâm (TT) KHCN theo ND115/2005 và ND80/2007.

2. Nội dung và phương pháp giải quyết

2.1 Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu đã đề ra, trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, nhóm nghiên cứu tiếp cận và giải quyết vấn đề theo hướng kết hợp phân tích định tính với phân tích định lượng để rút ra những nhận định / kết luận quan trọng về thực trạng công tác QLTC chỉ ra những thành công và những tồn tại cơ bản trong công tác QLTC của các viện, TTKHCN làm cơ sở thực tiễn và khoa học cho những đề xuất giải pháp hoàn thiện.

2.2 Nội dung nghiên cứu

2.2.1 Lý luận chung về QLTC trong ngành GD&ĐT và chính sách đổi mới cơ chế QLTC của các tổ chức KHCN công lập theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Trên cơ sở đánh giá khách quan thực trạng cơ chế quản lý (CCQL) khoa học và công nghệ (KH&CN) ở nước ta thời gian vừa qua và căn cứ vào Chiến lược phát triển KH&CN Việt Nam đến năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Đề án đổi mới CCQL KH&CN” bằng Quyết định số 171/2004/QĐ-TTg ngày 28/9/2004.

“Đề án đổi mới CCQL KH&CN” đã phân tích và chỉ rõ những biện pháp đổi mới CCQL KH&CN đã được thực hiện có kết quả tích cực, đặc biệt đã nhấn mạnh những yếu kém và nguyên nhân về CCQL KH&CN ở nước ta.

Đề án đã chỉ rõ những kết quả đổi mới đã đạt được về: *Việc xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN; CCQL các tổ chức KH&CN; Cơ chế, chính sách tài chính cho KH&CN; CCQL nhân lực; Các thể chế hỗ trợ cho phát triển thị trường công nghệ; Việc phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước về KH&CN.*

Về những yếu kém cần khắc phục và nguyên nhân: *Việc xác định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN chưa thực sự xuất phát từ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; CCQL các tổ chức KH&CN chưa phù hợp với đặc thù của lao động sáng tạo và cơ chế kinh tế thị trường (KTTT) định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN); Cơ chế, chính sách tài chính chưa tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN; CCQL cán bộ KH&CN chưa tạo động lực để phát huy năng lực sáng tạo của cán bộ KH&CN; Thị trường công nghệ còn nhỏ bé, chậm phát triển; Quản lý nhà nước về KH&CN còn chưa đổi mới kịp với yêu cầu chuyển sang KTTT; Quan điểm KH&CN là nền tảng và động lực phát triển đất nước chưa được quán triệt*

đầy đủ; *Chậm đổi mới tư duy, phương pháp quản lý KH&CN trong điều kiện chuyển sang KTTT định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế; Chưa coi trọng tổng kết thực tiễn các điển hình tiên tiến; CCQL kinh tế còn duy trì sự bao cấp gián tiếp của Nhà nước thông qua các ưu đãi, độc quyền trong nhiều lĩnh vực, khiến cho các doanh nghiệp (DN) nhà nước ít quan tâm đến nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh.*

Để đạt được mục tiêu phát triển KH&CN nước ta đến năm 2010, phải đổi mới mạnh mẽ CCQL KH&CN, tạo bước chuyển biến căn bản trong quản lý KH&CN theo hướng phù hợp với cơ chế KTTT định hướng XHCN, với đặc thù của hoạt động KH&CN, với yêu cầu chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nhằm nâng cao rõ rệt chất lượng, hiệu quả hoạt động KH&CN; tăng cường và sử dụng có hiệu quả tiềm lực KH&CN. Theo đó, “Đề án đổi mới CCQL KH&CN” tập trung vào 6 nhóm giải pháp chủ yếu sau: (1) Hoàn thiện cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN; (2) Đổi mới CCQL và hoạt động của các tổ chức KH&CN; (3) Đổi mới cơ chế, chính sách đầu tư tài chính cho hoạt động KH&CN; (4) Đổi mới CCQL nhân lực KH&CN; (5) Phát triển thị trường công nghệ; (6) Hoàn thiện cơ chế hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN.

QLTC là hoạt động có mối liên hệ chặt chẽ với mọi hoạt động khác của đơn vị nghiên cứu KHCN trong các trường ĐH khối ngành kỹ thuật trực thuộc Bộ GD&ĐT. QLTC tốt có thể giúp khắc phục được những khiếm khuyết trong các lĩnh vực khác của đơn vị. Ngược lại, một quyết định tài chính không được cân nhắc, hoạch định kỹ lưỡng có thể gây nên tổn thất lớn cho đơn vị, cho Nhà trường và cho Bộ, ngành GD&ĐT. Bởi vậy đổi mới, hoàn thiện để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác QLTC đơn vị nghiên cứu KHCN trong các trường ĐH khối ngành kỹ thuật trực thuộc Bộ GD&ĐT có vai trò quan trọng trong quá trình thực hiện đổi mới quản lý giáo dục ĐH theo Nghị quyết số 05-NQ/BCSĐ ngày 06/01/2010 của Ban Cán sự Đảng Bộ GD&ĐT và Chỉ thị số 296/CT-TTg ngày 27/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 05/9/2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 115/2005/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập. Nghị định này quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tài chính và tài sản, tổ chức và biên chế của các tổ chức KH&CN công lập. Theo đó, những đơn vị nghiên cứu khoa học (NCKH), phát triển công nghệ và dịch vụ KH&CN tự bảo đảm hoặc chưa tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên được lựa chọn việc chuyển đổi theo một trong hai hình thức sau: (1) Tổ chức KH&CN tự trang trải kinh phí hoặc (2) DN KH&CN.

Nghị định 115/2005 có thể xem là bước đột phá nhằm đổi mới cơ chế QLTC các tổ chức KHCN công lập theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý hoạt động, tự trang trải chi phí hoạt động thường xuyên, xóa bỏ cơ chế đầu tư căn cứ theo lượng biên chế như trước đây, thay vào đó là đơn vị nào hoạt động có hiệu quả, thì kinh phí sẽ tăng lên và ngược lại nhằm làm cho hệ thống tổ chức KHCN công lập mạnh hơn, chủ động và năng động, hoạt động hiệu quả hơn. Với cơ chế đổi mới QLTC theo tinh thần Nghị định số 115/2005/NĐ-CP, các tổ chức KHCN công lập sẽ có 3 quyền tự chủ: (1) Tự chủ trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ KHCN; (2) Tự chủ về tài chính và tài sản; (3) Tự chủ về tổ chức và biên chế.

Đặc điểm mang tính đặc thù của các viện, trung tâm KHCN, DN trong trường ĐH: Sự xuất hiện các viện, trung tâm (TT) KHCN và DN trong các trường ĐH là khách quan và tất yếu xuất phát từ điểm nhìn của các quy định pháp luật về KHCN (Luật KH&CN) và định hướng đổi mới giáo dục ĐH Việt Nam của Chính phủ (Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005); Vai trò của các viện, TTKHCN và DN trong trường ĐH: Các viện, TTKHCN và DN được thành lập trong trường ĐH có vai trò đặc biệt quan trọng trên cả 2 phương diện phát triển KHCN và đổi mới giáo dục ĐH. Vai trò quan trọng của các viện, TTKHCN và DN trong trường ĐH được thể hiện ở các khía cạnh chủ yếu sau: là cầu nối bền vững giữa nhà trường và thực tiễn sản

xuất, góp phần gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường và các DN; Đặc điểm đặc thù của các viện, TTKHCN và DN trong các trường ĐH: (1) Lĩnh vực hoạt động KHCN gắn liền với lĩnh vực đào tạo của các khoa chuyên môn trong trường; (2) Nhân lực tham gia hoạt động KHCN trong các viện, TTKHCN và DN chủ yếu là giảng viên của trường; (3) Trừ DN, người đứng đầu các viện và TTKHCN hầu hết là giảng viên thuộc biên chế của trường, trách nhiệm quản lý TT thực hiện theo cơ chế kiêm nhiệm, làm việc ngoài giờ; (4) Lĩnh vực hoạt động của các TTKHCN đa dạng nhưng chủ yếu là tư vấn, chuyển giao công nghệ (CGCN), dịch vụ KHCN; (5) Hầu hết các TT KHCN đều tự trang trải chi phí hoạt động, không được ngân sách nhà nước tài trợ chi tiêu thường xuyên; (6) Các viện được thành lập trong trường hầu hết thực hiện đồng thời 2 nhiệm vụ là đào tạo và hoạt động KHCN (tư vấn và CGCN), trong đó hoạt động đào tạo luôn được xem là nhiệm vụ chính; (7) Các viện, TTKHCN và DN được thành lập trong trường ĐH có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật có liên quan (như quy định về hợp đồng, quy định về thuế, ...), ngoài ra phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với trường theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ của trường; (8) Ngoại trừ một số TTKHCN thuê cơ sở vật chất (nhà cửa, đất đai, máy móc thiết bị...) bên ngoài để sử dụng, hầu hết các TT, viện, công ty đều sử dụng cơ sở vật chất của trường (theo cơ chế thuê hoặc được trường hỗ trợ miễn phí).

2.2.2 Thực trạng công tác QLTC các viện, TTKHCN trong các trường ĐH khối kỹ thuật trực thuộc Bộ GD&ĐT

a. Tình hình hoạt động của các viện, TTKHCN trong các trường ĐH trực thuộc Bộ GD&ĐT

Theo báo cáo tổng hợp của Bộ GD&ĐT về tình hình hoạt động của các tổ chức NCKH và phát triển công nghệ (các viện, TTKHCN và DN) trong khối trường ĐH trực thuộc Bộ có thể nhận thấy thực trạng hoạt động KHCN thể hiện ở những khía cạnh chủ yếu sau:

Thứ nhất, về vấn đề thành lập và đặc điểm nhân sự của các viện, TTKHCN trong các trường ĐH trực thuộc Bộ: (1) Hầu hết các đơn vị nghiên cứu KHCN trong các trường ĐH trực thuộc Bộ được thành lập và hoạt động theo tinh thần Nghị định số 35/HĐBT ngày 28/1/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về công tác quản lý KH&CN; (2) Các viện, TT nghiên cứu KHCN được thành lập theo các hình thức: (i) Chính phủ ra quyết định thành lập: 5 viện; (ii) Bộ, ngành ra quyết định thành lập: 19 viện, 78 TT và (iii) Trường ĐH ra quyết định thành lập: 14 viện, 64 TT; (3) Có 4 loại hình viện, TT nghiên cứu KHCN trong trường ĐH: a) Viện nghiên cứu được thành lập trên cơ sở bộ môn hoặc khoa (như Viện Vật lý Kỹ thuật, Viện KH&CN Môi trường, Viện KH&CN Nhiệt - Lạnh, Viện Công nghệ sinh học - Công nghệ thực phẩm - Trường ĐH Bách khoa Hà Nội (ĐHBKHN), Viện Xây dựng Công trình biển - Trường ĐH Xây dựng, ...) có chức năng chính NCKH, CGCN, đào tạo ĐH và sau ĐH; b) Viện, TT nghiên cứu KHCN được thành lập độc lập với các bộ môn hoặc khoa (chiếm tỷ lệ lớn các viện, TT) có chức năng chính là NCKH và CGCN, tham gia đào tạo sau ĐH và trực tiếp mở lớp bồi dưỡng ngắn hạn cập nhật kiến thức KH&CN theo lĩnh vực hoạt động đã đăng ký; c) Viện, TT nghiên cứu trước đây trực thuộc Bộ, ngành nay được chuyển về trường ĐH như Viện Nghiên cứu Giáo dục (trước đây trực thuộc Bộ GD&ĐT nay trực thuộc Trường ĐH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh), Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học vật liệu (trước đây trực thuộc Bộ GD&ĐT nay trực thuộc trường ĐHBKHN),... Chức năng chủ yếu của các viện, TT nghiên cứu loại hình này là NCKH; d) Viện, TT nghiên cứu KHCN được thành lập độc lập để tiếp nhận các dự án hợp tác, liên kết đào tạo sau ĐH và mở lớp bồi dưỡng ngắn hạn (như Viện Quản trị Kinh doanh - Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Viện Nghiên cứu Sư phạm - Trường ĐH Sư phạm Hà Nội,...); (4) Số cán bộ biên chế tại các viện, TT nghiên cứu KHCN trong trường đại học rất ít, số cán bộ kiêm nhiệm và cộng tác viên lớn hơn nhiều lần số biên chế.

Thứ hai, về tình hình hoạt động KHCN của các viện, TTKHCN trong các trường ĐH trực thuộc Bộ:

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG

(1) Một số kết quả đạt được từ hoạt động KHCN của các viện, TT nghiên cứu KHCN trong trường ĐH trực thuộc Bộ:

Nhìn chung, các viện, TT nghiên cứu KHCN trong các trường ĐH trực thuộc Bộ đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, ứng dụng và CGCN vào sản xuất đời sống, gắn NCKH với đào tạo, với sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội của hoạt động KHCN, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII về định hướng chiến lược phát triển GD&ĐT, KHCN trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Với các viện nghiên cứu được thành lập trên cơ sở bộ môn hoặc khoa thì hoạt động NCKH - CGCN là hoạt động chính của cơ sở, nhưng hoạt động này của các cơ sở chiếm tỷ lệ nhỏ hơn (30-40%) so với hoạt động đào tạo (60-70%). Điều này thể hiện qua hoạt động thực tế của một số cơ sở: *Viện Khoa học và Công nghệ Môi trường và Viện KH&CN Nhiệt - Lạnh* (Trường ĐHBKHN).

Với các viện, TT nghiên cứu KHCN được thành lập độc lập với các bộ môn hoặc khoa thì hoạt động NCKH - ứng dụng và CGCN là hoạt động chính. Họ đã thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu trong phòng thí nghiệm và triển khai thử nghiệm vào thực tế rất thành công mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội lớn. Điển hình là: *Viện Sinh học Nông nghiệp* (Trường ĐH Nông nghiệp Hà Nội); *Viện Nghiên cứu chế tạo tàu thủy* (trước đây là TT Nghiên cứu Chế tạo Tàu cá và Thiết bị) của Trường ĐH Nha Trang; *TT Nghiên cứu Thực nghiệm Máy xây dựng* (Trường ĐH Giao thông Vận tải); *TT Kỹ thuật Nền móng công trình*, nay là Viện Địa kỹ thuật và công trình (Trường ĐH Xây dựng); *TT Nghiên cứu Tư vấn và Thực nghiệm công trình* (Trường ĐH Giao thông Vận tải).

(2) Khó khăn của các viện, TT nghiên cứu KHCN trong trường ĐH trực thuộc Bộ trong hoạt động KHCN: Định hướng và mục tiêu nghiên cứu chưa cụ thể và thường là quá rộng và thiếu trọng tâm dẫn tới đầu tư nghiên cứu cả về kinh phí và nhân lực dàn trải; Chưa cân đối hợp lý giữa nghiên cứu cơ bản trình độ cao để tạo ra các công trình khoa học có giá trị được đăng trên các tạp chí quốc tế và nghiên cứu ứng dụng để tạo ra các sản phẩm phục vụ đời sống, sản xuất, xã hội; Chưa cân đối hợp lý giữa đào tạo và NCKH; Đầu tư của Nhà nước cho thiết bị phục vụ nghiên cứu chậm, chưa đồng bộ và chưa theo kịp với các cơ sở sản xuất ...

b) Tình hình thực hiện chuyển đổi các viện, TTKHCN, DN trong trường ĐH theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

(1) Thực trạng chung của việc thực hiện chuyển đổi các tổ chức KHCN công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong phạm vi cả nước:

Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KHCN công lập nhằm gắn NCKH và phát triển công nghệ với sản xuất, kinh doanh và đào tạo nhân lực, đẩy nhanh quá trình xã hội hóa các hoạt động KHCN; tăng cường trách nhiệm và nâng cao tính tích cực, chủ động, năng động, sáng tạo của tổ chức KHCN và Thủ trưởng tổ chức KHCN; và cũng là góp phần tăng cường tiềm lực KHCN của đất nước

Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 của Chính phủ về DNKH&CN nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân triển khai ứng dụng các kết quả KHCN vào sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh thương mại hoá các sản phẩm hàng hoá là kết quả của hoạt động KHCN; phát triển thị trường công nghệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Theo thông tin từ Bộ KHCN, với khoảng 560 tổ chức KHCN công lập hiện nay, chỉ có 10% được Nhà nước cấp kinh phí hoạt động, 70% phải chuyển sang mô hình tự trang trải kinh phí hoạt động, khoảng 10% chuyển đổi thành DNKH&CN và khoảng 10% phải sáp nhập hoặc

giải thể. Tổ chức NCKH hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước không thuộc diện bắt buộc chuyển đổi. Theo lộ trình đã được xác định, thời hạn để các tổ chức KHCN công lập xây dựng đề án trình cơ quan chủ quản là trước ngày 30/9/2006, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án có trách nhiệm thẩm định và ra quyết định phê duyệt trước ngày 15/12/2006.

Tuy nhiên, theo báo cáo của Bộ KHCN, đến hết năm 2008: Trong số 504 tổ chức KHCN trên cả nước thì mới có 205 tổ chức KHCN có đề án được phê duyệt (khoảng 40,67%), 135 tổ chức đã có đề án trình phê duyệt (khoảng 26,7%), 134 tổ chức đang xây dựng đề án; Bộ GD&ĐT có khoảng 194 viện, TTKHCN nhưng mới chỉ báo cáo có 7 tổ chức KHCN thực hiện chuyển đổi; nhiều Bộ, ngành, địa phương chưa triển khai thực hiện ND115.

Trước tình hình này, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 29/9/2010, sửa đổi bổ sung Nghị định 115 và Nghị định 80. Theo đó, tổ chức khoa học và phát triển công nghệ, tổ chức dịch vụ KHCN chưa tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên thì chậm nhất đến hết ngày 31/12/2013 phải tổ chức và hoạt động theo hai hình thức (tổ chức KH&CN tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên hoặc DN KH&CN) hoặc được sáp nhập, giải thể.

(2) Thực trạng thực hiện chuyển đổi của các viện, TTKHCN trong các trường ĐH kỹ thuật trực thuộc Bộ GD&ĐT:

Ngày 16/4/2009 Bộ GD&ĐT có Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị định 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 80/2007/NĐ-CP của một số TT nghiên cứu KHCN trong các trường ĐH trực thuộc Bộ (Báo cáo số 321/BC-BGDĐT).

Theo báo cáo của Bộ GD&ĐT: trong số 30 viện, TT nghiên cứu KHCN trong các trường ĐH trực thuộc Bộ được điều tra, có 27 viện, TTKHCN đã có đề án chuyển đổi hoạt động theo Nghị định 115, trong đó mới chỉ có 03 viện, TT đã được phê duyệt đề án, còn 24 đề án chưa được phê duyệt. Như vậy, tới 16/4/2009 mới chỉ có khoảng 10/164 viện, TT thực hiện chuyển đổi được theo tinh thần Nghị định 115 (chiếm khoảng 6%). Điều này nói lên rằng việc chuyển đổi hoạt động các viện, TTKHCN ở Bộ GD&ĐT diễn ra rất chậm chạp so với yêu cầu. Tình trạng chậm chạp cũng xảy ra đối với việc thực hiện chuyển đổi của các viện, TTKHCN trong các trường ĐH thuộc khối kỹ thuật trực thuộc Bộ: Trong 103 viện, TT nghiên cứu KHCN trong các trường ĐH thuộc khối kỹ thuật trực thuộc Bộ GD&ĐT, cho đến thời điểm báo cáo mới chỉ có 07 đơn vị (ĐH Nha Trang 4 đơn vị, ĐH Xây dựng 3 đơn vị) thực hiện việc chuyển đổi hoạt động theo Nghị định 115 (chiếm gần 7%).

(3) Nguyên nhân của sự chậm chạp trong việc thực hiện chuyển đổi của các viện, TTKHCN trong các trường ĐH kỹ thuật trực thuộc Bộ GD&ĐT: (a) Tư duy của các nhà quản lý, nhà khoa học chậm thay đổi, hiểu không đầy đủ hoặc hiểu sai tinh thần chỉ đạo, nội dung của Nghị định 115; (b) Tư tưởng không muốn thay đổi hay đổi mới; (c) Sự nhiều khê, rắc rối trong các thủ tục hành chính giấy tờ đã khiến nhiều tổ chức KHCN nhụt chí thực hiện Nghị định 115; (d) Quyền sử dụng tài sản, đất đai của các tổ chức KHCN khi lập đề án chuyển đổi và sau khi thực hiện chuyển đổi chưa được được tuân thủ đầy đủ; (e) Nhiều câu hỏi / thắc mắc chưa được sáng tỏ trước khi bắt tay lập đề án chuyển đổi theo Nghị định 115.

2.2.3 Giải pháp hoàn thiện công tác QLTC của các TTKHCN trong các trường ĐH khối kỹ thuật theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Xuất phát từ chủ trương chuyển đổi hình thức hoạt động của các tổ chức nghiên cứu KHCN công lập theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo tinh thần Nghị định 115/2005/NĐ-

CP, Nghị định 80/2007/NĐ-CP và Nghị định 96/2010/NĐ-CP cũng như từ thực trạng thực hiện chuyển đổi và thực trạng QLTC của các viện, TTKHCN trong các trường ĐH khối kỹ thuật trực thuộc Bộ GD&ĐT đã được phân tích, đánh giá trên đây, chúng tôi đề xuất 2 nhóm giải pháp nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi và tăng cường tính tự chủ tài chính của các viện, TT KHCN trong các trường ĐH khối kỹ thuật trực thuộc Bộ như sau:

a) Giải pháp đẩy nhanh quá trình chuyển đổi hình thức hoạt động của các tổ chức KHCN trong các trường ĐH khối kỹ thuật theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Thuộc nhóm giải pháp này, chúng tôi đề xuất 10 giải pháp cụ thể sau đây: (1) Tổ chức Hội nghị quán triệt chủ trương đổi mới quản lý KHCN, đổi mới giáo dục ĐH của Đảng và Nhà nước, các Nghị định của Chính phủ liên quan đến việc chuyển đổi hình thức hoạt động và cơ chế QLTC theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với người đứng đầu các tổ chức KHCN trong trường; (2) Quy định các hình thức tổ chức KHCN trong trường (viện, TT, DN/công ty): Thống nhất các mô hình tổ chức và hoạt động của các tổ chức KHCN trong trường: Hai hướng sau đây có thể nghiên cứu để thực hiện: Hoàn thiện các mô hình viện nghiên cứu liên ngành, TT nghiên cứu phát triển trong trường ĐH để phù hợp với xu thế hội nhập; Thành lập một số TT đào tạo NCKH tiên tiến trong cơ sở giáo dục ĐH. Trên cơ sở đó, các tổ chức KHCN trong trường lựa chọn mô hình tổ chức và hoạt động thích hợp. (3) Quy định cơ chế liên quan tới người đứng đầu tổ chức KHCN: Cụ thể hóa quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 115/2005/NĐ-CP để nhà trường và các tổ chức KHCN trong trường dễ thực hiện. Những vấn đề dưới đây liên quan đến người đứng đầu tổ chức KHCN cũng cần được cụ thể hoá để thuận tiện khi áp dụng: Cơ chế hoạt động kiêm nhiệm; Cơ chế tiền lương/phụ cấp; Cơ chế khen thưởng và kỷ luật; Quyền hạn và nghĩa vụ; (4) Quy định cơ chế sử dụng đất đai, tài sản và nhân lực của nhà trường cho các hoạt động KHCN của các tổ chức KHCN trong trường: Những quy định chính sách ưu đãi cho tổ chức KHCN tự trang trải kinh phí về vốn, đất đai và tài sản, về hoạt động KHCN của các tổ chức KHCN, về nhân lực của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP cần được cụ thể hoá theo điều kiện thực tế của từng trường. (5) Quy định cơ chế trích nộp lợi nhuận của các tổ chức KHCN cho nhà trường phục vụ quản lý chung. (6) Quy định cơ chế quản lý, kiểm soát hoạt động và tài chính của nhà trường đối với các tổ chức KHCN trong trường. (7) Hướng dẫn các tổ chức KHCN trong trường về quy trình và thủ tục chuyển đổi hình thức hoạt động theo tinh thần Nghị định số 115/2005/NĐ-CP, Nghị định số 80/2007/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP của Chính phủ và hỗ trợ các tổ chức KHCN hoàn tất thủ tục. (8) Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi hình thức tổ chức hoạt động của các tổ chức KHCN trong trường. (9) Thông tin tuyên truyền về kết quả chuyển đổi của các tổ chức KHCN trong trường. (10) Kiến nghị sáp nhập/giải thể các tổ chức KHCN trong trường hoạt động không có hiệu quả.

Việc cần thiết thay đổi cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy CGCN của các trường ĐH khối kỹ thuật là kinh nghiệm của Pháp (*Nguồn: PGS.TS Trần Văn Bình - Hoạt động CGCN tại các trường ĐH ở Pháp - Tạp chí Hoạt động khoa học số tháng 02/2010*).

Ở Việt Nam, việc ban hành và áp dụng từ Luật KH&CN, Luật Công nghệ cao, Nghị định 115/2005/NĐ-CP cho đến Nghị định 80/2007/NĐ-CP cho thấy, các chính sách vĩ mô của Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN dường như đã khá thông thoáng, nhưng hiệu quả của các hoạt động NCKH, CGCN của các tổ chức nghiên cứu, trường ĐH của nước ta vẫn còn thấp. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do chúng ta chưa có được mô hình, quy trình triển khai và cơ chế quản lý thích hợp. Vì thế, mô hình TT tạo giá trị với chức năng, quy trình tuyển chọn và phương thức vận hành như các trường ĐH của Pháp cần được nghiên cứu, đưa vào áp dụng cho các trường ĐH của Việt Nam.

b) Giải pháp tăng cường tính tự chủ tài chính của các tổ chức KHCN trong các trường ĐH khối kỹ thuật

Nhóm giải pháp nhằm tăng cường tính tự chủ tài chính được chia ra 2 nhóm giải pháp bộ phận liên quan đến (i) hoàn thiện quản lý của nhà trường đối với các viện, TTKHCN trong trường và (ii) hoàn thiện quản lý tài chính theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm của bản thân các viện, TTKHCN.

- Giải pháp hoàn thiện quản lý của nhà trường đối với các tổ chức KHCN trong trường:

Thuộc nhóm giải pháp bộ phận này, chúng tôi đề xuất 4 giải pháp cụ thể, đó là: (1) Hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ của trường liên quan đến hoạt động của các tổ chức KHCN trong trường: Đề xuất của chúng tôi ở đây là: các trường thực hiện giao quyền tự chủ về các hoạt động cho các đơn vị, trong đó đặc biệt chú ý đến vấn đề giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các tổ chức KHCN trong trường; (2) Quy định mối quan hệ tổ chức và tài chính giữa trường và các viện, TT, DN trong trường: Mối quan hệ tổ chức thể hiện quyền và trách nhiệm của nhà trường đối với các tổ chức KHCN trong trường về vấn đề tổ chức bộ máy, về biên chế, tuyển dụng cũng như về sử dụng cán bộ, viên chức. Đồng thời cũng quy định cụ thể quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức KHCN đối với nhà trường. Mối quan hệ tài chính chủ yếu thể hiện trách nhiệm của nhà trường đối với việc hỗ trợ các tổ chức KHCN về vốn, tài sản; đồng thời quy định nghĩa vụ tài chính của các tổ chức KHCN đối với nhà trường trong việc sử dụng vốn, tài sản, quyền sử dụng đất, nhân lực và thương hiệu của nhà trường; (3) Quy định quyền và nghĩa vụ của cán bộ của trường trong việc tham gia hoạt động KHCN và nhận thù lao ở các tổ chức KHCN trong trường; (4) Quy định chế độ báo cáo tài chính định kỳ đối với các tổ chức KHCN trong trường.

- Giải pháp hoàn thiện quản lý tài chính của các tổ chức khoa học công nghệ theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Nhóm giải pháp hoàn thiện QLTC theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm của bản thân các viện, TTKHCN được đề xuất gồm 2 giải pháp chính như sau: (1) Tổ chức KHCN cần xây dựng quy chế QLTC nội bộ (phù hợp với Đề án chuyển đổi hình thức hoạt động theo tinh thần Nghị định số 115/2005/NĐ-CP đã được phê duyệt, phù hợp với quy chế chi tiêu nội bộ của trường: Đề xuất của chúng tôi ở nội dung này là: các tổ chức KHCN phải xây dựng được quy chế chi tiêu nội bộ để làm căn cứ pháp lý cho các nội dung chi tiêu của đơn vị, đồng thời quy chế cũng tạo điều kiện cho các tổ chức KHCN chủ động hơn trong việc chi tiêu cho việc thực hiện các nhiệm vụ của mình; (2) Xây dựng chiến lược hoạt động KHCN của viện, TT, DN theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, gồm: Chiến lược tham gia tuyển chọn, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ KHCN; Chiến lược cạnh tranh cung cấp dịch vụ KHCN; Chiến lược khai thác và ký hợp đồng NCKH, hợp đồng CGCN, hợp đồng dịch vụ KHCN, hợp đồng cung cấp hàng hóa, hợp đồng đào tạo và các loại hợp đồng kinh tế khác với các tổ chức, cá nhân; Chiến lược hợp tác quốc tế về KHCN, tìm kiếm các công nghệ mới của các đơn vị, cá nhân ngoài nước bằng cách mua hoặc thỏa thuận sử dụng bản quyền và khai thác trong nước...

3. Kết quả nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận về QLTC trong ngành GD&ĐT và chính sách đổi mới cơ chế QLTC của các tổ chức KHCN công lập theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm; phân tích đánh giá thực trạng công tác QLTC các viện, TTKHCN trong các trường ĐH khối kỹ thuật trực thuộc Bộ GD&ĐT, nhóm nghiên cứu đã đề xuất 2 nhóm giải pháp nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi và tăng cường tính tự chủ tài chính của các viện, TTKHCN trong

các trường ĐH khối kỹ thuật trực thuộc Bộ: (1) Nhóm giải pháp đẩy nhanh quá trình chuyển đổi hình thức hoạt động của các tổ chức KHCN trong các trường ĐH kỹ thuật theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm với 10 giải pháp cụ thể; (2) Nhóm giải pháp tăng cường tính tự chủ tài chính của các tổ chức KHCN trong các trường ĐH khối kỹ thuật, gồm 2 nhóm giải pháp bộ phận: (i) Giải pháp hoàn thiện quản lý của nhà trường đối với các tổ chức KHCN trong trường với 4 giải pháp cụ thể và (ii) Giải pháp hoàn thiện QLTC của các tổ chức KHCN theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm với 2 giải pháp cụ thể.

Kết quả nghiên cứu góp phần giải quyết một số vướng mắc nảy sinh trong quá trình chuyển đổi và tăng cường công tác quản lý tài chính của các tổ chức KHCN theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Nhóm nghiên cứu đề xuất áp dụng các giải pháp đối với các tổ chức KHCN trong trường Đại học Xây dựng và kiến nghị các bộ phận chức năng của Bộ GD&ĐT nghiên cứu áp dụng cho các trường đại học khối kỹ thuật trực thuộc Bộ có các tổ chức KHCN.

4. Kết luận

Chuyển đổi hoạt động của các tổ chức KHCN công lập, trong đó có các viện, TT nghiên cứu KHCN trong các trường ĐH khối kỹ thuật trực thuộc Bộ GD&ĐT, theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 80/2007/NĐ-CP là một chủ trương lớn và đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta. Chủ trương này kỳ vọng sẽ tạo ra những cơ hội phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tăng cường tính năng động, sáng tạo và hiệu quả trong hoạt động KHCN của các tổ chức nghiên cứu KHCN công lập phù hợp với cách làm của nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là Nhật Bản là nước có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam đã thành công trong việc chuyển đổi theo hướng “công ty hóa” các tổ chức KHCN tương tự như tinh thần của Nghị định 115. Sau hơn 4 năm triển khai thực hiện, mặc dù đã có một số tổ chức KHCN chuyển đổi thành công nhưng nhìn chung còn rất chậm chạp so với yêu cầu. Bộ GD&ĐT là một trong các Bộ được đánh giá là thực hiện chậm chạp nhất.

Xuất phát từ yêu cầu và thực tiễn chuyển đổi hoạt động của các viện, TTKHCN trong các trường ĐH, trong đó khối kỹ thuật trực thuộc Bộ GD&ĐT là khối trường ĐH có nhiều viện, TT KHCN nhất so với các khối trường ĐH khác, đề tài NCKH: “Nghiên cứu hoàn thiện công tác QLTC theo hướng tự chủ các viện, TTKHCN và DN trong các trường ĐH khối kỹ thuật trực thuộc Bộ GD&ĐT” được triển khai với kỳ vọng đề xuất được những giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện QLTC theo hướng tự chủ của các viện, TTKHCN và DN (trong đó tập trung chủ yếu vào các viện, TT) trong các trường ĐH khối kỹ thuật trực thuộc Bộ GD&ĐT phù hợp với chủ trương chuyển đổi theo tinh thần của Nghị định 115 và Nghị định 80 của Chính phủ, góp phần đẩy nhanh tiến trình thực hiện chuyển đổi hoạt động của các tổ chức KHCN của Bộ GD&ĐT.

Nhóm nghiên cứu đã đề xuất 2 nhóm giải pháp nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi và tăng cường tính tự chủ tài chính của các viện, TTKHCN trong các trường ĐH khối kỹ thuật trực thuộc Bộ: (1) Nhóm giải pháp đẩy nhanh quá trình chuyển đổi hình thức hoạt động của các tổ chức KHCN trong các trường ĐH kỹ thuật theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm với 10 giải pháp cụ thể; (2) Nhóm giải pháp tăng cường tính tự chủ tài chính của các tổ chức KHCN trong các trường ĐH khối kỹ thuật, gồm 2 nhóm giải pháp bộ phận với 6 giải pháp cụ thể.

Để các giải pháp đề xuất có tính khả thi cao, đề tài kiến nghị: 1) Nhà nước cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định 115 theo hướng: Có những quy định cụ thể và riêng đối với việc chuyển đổi các viện, TTKHCN trong các trường ĐH do có những đặc thù khác so với các tổ chức KHCN công lập được thành lập ở các địa phương hay các Bộ khác; Quy định rõ quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của các viện, TT, DN trong trường ĐH đối với nhà trường về các vấn đề liên quan như sử dụng tài sản, đất đai của trường, nghĩa vụ tài chính đối với trường, sự kiểm tra kiểm soát của nhà trường đối với hoạt động của các viện, TTKHCN trong trường...; 2) Nhà nước cần có những hướng dẫn cụ thể về tư cách, biên chế, quyền hạn... của người đứng

đầu các viện, TTKHCN trong trường cũng như vai trò và trách nhiệm của trường đối với các đề án chuyển đổi hoạt động của các viện, TTKHCN theo tinh thần Nghị định 115 và Nghị định 80 của Chính phủ.

Tài liệu tham khảo

1. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam đến năm 2010.
2. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X - Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội – 2006.
3. Đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ (Ban hành kèm theo Quyết định số 171/2004/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ).
4. Luật Khoa học và Công nghệ (Luật số 21/2000/QH 10 ngày 09/6/2000).
5. Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.
6. Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
7. Báo cáo số 231/BC-BGDĐT ngày 16/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP.
8. Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.